TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC MÊ** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2020/HS-ST
Ngày 10-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Công.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mận.
Ông Nguyễn Ngọc Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/TLST-HS ngày 13/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Cháng A H; Sinh năm 1990; Nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cháng A S, sinh năm 1958 và con bà: Vàng Thị T, sinh năm 1958; Có 08 chị em ruột, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Có vợ: Lò Thị M, sinh năm 1995 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; Tạm giữ ngày 25/9/2019, tạm giam ngày 04/10/2019 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an Huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị cáo: Vàng A T; Sinh năm 1980; Nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn K, xã Y, Huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vàng A S, sinh năm 1959 và con bà: Giàng Thị S, sinh năm 1962; Có 05 chị em ruột, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Có vợ: Giàng Thị M, sinh năm 1986 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không; Tạm giữ ngày 25/9/2019, tạm giam ngày 04/10/2019 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an Huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Cháng A H và Vàng A T.
Bà: Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý.
Nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang.
(Có mặt)

3. Nguyên đơn dân sự: UBND thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê.

Người đại diện ông Hoàng Thống C; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn Yên Phú theo quyết định phân công số 283/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Chủ tịch UBND thị trấn Y, Huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

- Anh: Cháng A H1; Sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn K, xã Y, Huyện B, tỉnh Hà Giang.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/7/2019 Tổ tuần rừng Thôn K, xã Y huyện Bắc Mê thực hiện việc tuần tra bảo vệ rừng phát hiện tại khu rừng giáp ranh giữa hai Thôn K, xã Y và thôn B, thị trấn Y, huyện B phát hiện 02 cây nghiến bị cắt đổ đồng thời phát hiện 70 khúc gỗ đã được đẽo thành dạng thớt kích thước đường kính 40cm dày 20cm khối lượng 1,759m^3.

Ngày 25/9/2019 Vàng A T, Cháng A H đã đến Công an huyện B để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Khoảng tháng 03/2019 *(không nhớ ngày),* Giàng A C gọi điện thoại rủ Vàng A T *(là người cùng thôn)*; Cháng A H, Giàng A P, và Giàng A Đ cùng trú tại Thôn T, xã Y, huyện B, đi vào khu rừng phòng hộ giáp ranh giữa Thôn K, xã Y với thôn B, thị trấn Y, huyện B, để khai thác gỗ nghiến làm thớt bán lấy tiền chia nhau, sau khi nghe điện thoại cả 04 người trên đồng ý cùng C vào rừng khai thác gỗ nghiến.

Hai ngày sau, H, Đ, P mang theo 10 (mười) lít xăng, 05 lít nhớt, 01 chai nhớt 2T, 01 máy cưa xăng nhãn hiệu 365, màu cam đi vào nhà C tại Thôn K, xã Y. Tại nhà C cả 04 người cùng nhau chuẩn bị thực phẩm *(gạo, thức ăn)* và chia xăng thành 02 can với thể tích mỗi can là 05 lít.

Sau khi chuẩn bị xong, C mang theo 01 máy cưa xăng nhãn hiệu 365, màu cam, Đanh mang theo 01 máy cưa xăng, Hàng mang theo 05 lít xăng, 05 lít nhớt và Páo mang theo thực phẩm, lam xích đi vào khu rừng phòng hộ. Trên đường đi qua nhà Vàng A T, C đã gọi T cùng đi, T mang theo 02 cái nồi để phục vụ nấu ăn và 01 tấm bạt dùng để dựng lều làm chỗ ngủ. Do C là người biết vị trí 02 cây gỗ nghiến nên C là người đi trước dẫn đường, đến khoảng 16 giờ cùng ngày 05 người đến vị trí hai cây gỗ nghiến, thấy hai cây gỗ nghiến còn tươi đứng thẳng, tán lá còn xanh. Cả năm người thống nhất cắt hạ cây gỗ nghiến (*theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu là G01*). C là người sử dụng máy cưa xăng cắt gốc cây trước, sau đó H, T, Đ và P thay nhau sử dụng máy cưa xăng cắt gốc cây gỗ nghiến khoảng 01 tiếng sau thì cây gỗ nghiến đổ. C dùng thước đo lấy một cành cây dài 20cm, sau đó cùng H, Đ và P đo trên thân cây gỗ nghiến rồi cắt được một số khúc gỗ dày 20cm, do trời tối cả 05 người thống nhất nghỉ làm và dựng lều nấu cơm ăn uống và ngủ lại hiện hiện trường riêng T thì đi về nhà.

Sáng sớm hôm sau, C sử dụng máy cưa xăng cắt các cành của cây gỗ nghiến rồi cùng H, P và Đ sử dụng cành cây nhỏ dài 20cm để làm thước đo cắt thành các khúc có độ dày 20cm đến khoảng 07 giờ thì Thơ lên đến hiện trường và di chuyển các khúc gỗ vừa cắt đến vị trí khoảng đất trống bằng phẳng cách cây gỗ nghiến 02m. C, Đ, P, H tiếp tục cắt các khúc gỗ thành dạng thớt đường kính 40cm, dày 20cm, trong khi vo thớt thì máy cưa của C bị hỏng, P đến nhà anh Tráng A H1 ở Thôn K, xã Y, huyện B mượn 01 máy cưa xăng nhãn hiệu 365, màu cam đến hiện trường tiếp tục xẻ gỗ.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, thì khoanh tròn xong thớt ở cây thứ nhất, rồi cùng nhau tiếp tục cắt hạ cây gỗ nghiến thứ hai *(cây thứ hai cách cây thứ nhất 2,5m, theo biên bản khám nghiệm hiện trường ký hiệu là G02),* C, Đ, P, H, T thay nhau sử dụng máy cưa xăng cắt gốc cây gỗ nghiến được khoảng 01 tiếng thì cây gỗ nghiến đổ. Sau đó C và P cắt các cành và thân cây gỗ nghiến thành các khúc, có chiều dày 20cm sau đó vo tròn thành dạng thớt. Tổng 02 cây gỗ nghiến C, P, Đ, T, H đã cắt được 70 khúc đường kính 40cm dày 20cm do trời tối hẹn nhau đến ngày hôm sau vào vác thớt về nhà C cất dấu.

Khi đi về thì C, Đ, P mang theo máy cưa của mình về nhà; còn lại can nhựa đựng xăng và nhớt, nồi nấu cơm, bạt để lại hiện trường. Ngày hôm sau tổ tuần rừng Thôn K, xã Y phối hợp với cán bộ Hạt kiểm lâm huyện Bắc Mê tiến hành tuần tra phát hiện số gỗ nghiến mà 05 người trên khai thác trái phép, sau khi phát hiện, tổ tuần rừng dùng búa vát cạnh số thớt thành phẩm các đối tượng đã khai thác được nhằm ngăn việc vận chuyển ra khỏi hiện trường.

Khoảng 04 ngày sau, Giàng A C gọi điện thoại cho Hàng và nói *"thớt bị Cẩm với Mèng bổ hết rồi, vào xem như thế nào",* đến sáng ngày hôm sau H, Đ, C đi vào nhà T, tại đây, C có nói *"đi đòi C với M ít tiền, nó không trả thì lôi xuống xã làm việc".* Khi mọi người đang đi đến đoạn đường mòn vào khu rừng phòng hộ thì gặp C đang kéo gỗ nghiến trong rừng về nhà, C hỏi *"Tại sao các cháu đưa kiểm lâm đi phá thớt"* C trả lời *"không phải chúng cháu đưa đi, mà kiểm lâm bảo chúng cháu đi cùng"*, C nói *(số thớt không tính nữa, giờ chỉ cần đưa mười triệu),* C trả lời: *"muốn lấy tiền thì đi gặp mấy anh kiểm lâm mà đòi"*, nghe vậy C nói *" Thế các cháu làm như thế này thì không phải là phá rừng à","không đưa tiền sẽ tố cáo với cơ quan kiểm lâm".* Do bản thân cũng có hành vi khai thác gỗ nghiến trái phép và sợ bị phát hiện C đã đề nghị đưa số tiền 5.000.000đ và được C đồng ý sau đó C gọi điện thoại cho T và hỏi *"còn tiền thì đưa cho ông C năm triệu"* T đồng ý *(vì trước đó T có vay nợ của C mười triệu đồng nhưng chưa trả)*.

Đến chiều cùng ngày, trên đường đi từ xã Y về nhà thì T gặp C và đưa cho C số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) sau đó C chia cho Đ, P mỗi người 1.000.000đ còn C giữ lại 1.000.000đ. Còn 2.000.000đ T đưa 1.000.000đ cho H, số tiền còn lại 1.000.000đ T giữ lại.

Ngày 04/9/2019, các cơ quan chức năng phối hợp khám nghiệm hiện trường, xác định tổng khối lượng 02 cây gỗ Nghiến 40,568m^3 (gỗ tròn) trong đó đã bị cháy một phần (*bao gồm 70 khúc gỗ nghiến dạng thớt khối lượng 1,759m^3, 02 khúc gỗ nghiến có khối lượng 4,289m^3*) số gỗ còn lại hiện trường gồm 01 thân; 03 cục; 05

khúc; 06 cành khối lượng 34,520m^3. Sau khi khám nghiệm hiện trường, đã tạm giao cho UBND thị trấn Y, huyện B quản lý.

Tại Công văn số 24 ngày 09/9/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B xác định vị trí xảy ra vi phạm thuộc tiểu khu 149A, khoảnh 14, lô 17 (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 do UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt), loại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, do UBND thị trấn Y, huyện B quản lý.

Ngày 09/4/2020, cơ quan điều tra phối hợp các ngành chức năng đưa Cháng A H, Vàng A T đi xác định hiện trường, kết quả H, T chỉ dẫn các vị trí khai thác phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu có trong hồ sơ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 10/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Mê kết luận 02 cây gỗ nghiến tổng khối lượng là 40,568m^3 x 7.500.000đ = 304.260.000đ (ba trăm linh tư triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra vụ án các bị can Giàng A P, Giàng A Đ, Giàng A C đã trốn khỏi địa phương đến nay chưa bắt được Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định truy nã đồng thời ra quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tang vật vụ án thu giữ

- 01 thân; 03 cục; 05 khúc; 06 cành gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 34,520m^3 đã tạm giao cho UBND thị trấn Y quản lý.

- Đối với vật chứng là 03 máy cưa xăng, thước dây kim loại chưa thu giữ được do C, Đ và P đang bỏ trốn. Các vật chứng gồm 02 can nhựa đựng xăng và nhớt, 01 chai nhớt 2T, 02 nồi nấu ăn, 01 tấm bạt quá trình khám nghiệm hiện trường không phát hiện các vật chứng trên nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện UBND thị trấn Y, huyện B không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa lời khai của các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt khai, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 12/5/2020 của VKSND huyện Bắc Mê truy tố Cháng A H, Vàng A T về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm d khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử.

- *Tuyên bố bị cáo*: Cháng A H, Vàng A T phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

- *Hình phạt*: Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 232; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cháng A H từ 48 tháng đến 52 tháng tù; Vàng A T từ 48 tháng đến 52 tháng tù.

- *Về hình phạt bổ sung*: Không.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

- *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 thân; 03 cục; 05 khúc; 06 cành gỗ nghiến nhóm IIA có khối lượng là 34,520m^3 (gỗ tròn) tại hiện trường lô 17, khoảnh 14, tiểu khu 149A thuộc địa phận thôn B thị trấn Y, Huyện B, tỉnh Hà Giang.

- *Về án phí*: Bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo nhất trí với quan điểm Viện kiểm sát về tội danh các bị cáo phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm d khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, *Thứ nhất*: Sau khi sự việc xảy ra và bị phát hiện các bị cáo nhận thức được rằng việc chặt cây gỗ nghiến là khai thác lâm sản trái phép, là vi phạm pháp luật nên các bị cáo Vàng A T, Cháng A H đã đến Cơ quan CSĐT công an huyện B đầu thú. Đây cũng là tình tiết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự về nguyên tắc xử lý "*khoan hồng đối với người phạm tội đầu thú*"; *Thứ hai*: Trong điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo rất ăn năn hối cải, tự nguyện khai báo trung thực, thành khẩn về hành vi phạm tội của mình và rất mong muốn nhận được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Điều này hoàn toàn đáp ứng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; *Thứ ba*: Trong quá trình làm việc cơ quan điều tra các bị cáo Vàng A T, Tráng A H đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo khác cũng có hành vi khai thác gỗ trái phép. Quá trình điều tra vụ án 02 bị cáo đã cung cấp tài liệu, chứng cứ có giá trị góp phần giải quyết vụ án. Do vậy, cần phải áp dụng thêm điểm t, khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo "là người phạm tội tích cực phối hợp với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án"; *Thứ tư*: Các bị cáo sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của thôn K, thôn T, xã Y của huyện B, trình độ nhận thức cũng như hiểu biết pháp luật của bị cáo còn có nhiều hạn chế. Các bị cáo hiện nay là trụ cột trong gia đình mà hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay cũng rất khó khăn thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo, các con của các bị cáo còn nhỏ đang phải đi học nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng, dậy dỗ của các bị cáo. Trước khi phạm tội bị cáo đều có nhân thân tốt và đây cũng là lần phạm tội đầu tiên, các bị cáo luôn chấp hành hành chính sách pháp luật của chính quyền địa phương và đều có nơi cư trú rõ ràng. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đã xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hoàn toàn đáp ứng được khoản 2 điều 51 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về trách nhiệm dân sự, do đó đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của tòa án. Trong vụ án này các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Vàng A T thuộc hộ nghèo, bị cáo Cháng A H thuộc hộ cận và các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên bị cáo Vàng A T, Cháng A H phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"; Áp dụng điểm d, khoản 3, Điều 232; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 đối với 2 bị cáo. Đề nghị tuyên phạt các bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù.

Bị cáo Cháng A H, Vàng A T đồng ý với đề nghị của người bào chữa, không bổ sung bào chữa thêm, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Nguyên đơn dân sự đồng ý với đề nghị của KSV về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Bị cáo Cháng A H, Vàng A T thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo hòa nhập cộng đồng hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Cháng A H1 đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Tháng 3/2019 bị cáo Vàng A T, Cháng A H cùng các đối tượng Giàng A C, Giàng A P, Giàng A Đ đã có hành vi khai thác trái phép 02 cây gỗ nghiến nhóm IIA tổng khối lượng là 40,568m^3 (gỗ tròn) thuộc tiểu khu 149A, khoảnh 14, lô 17 (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 do UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt), chức năng rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, do UBND thị trấn Y, Huyện B, tỉnh

Hà Giang quản lý. Bản kết luận về việc định giá tài sản ngày 10/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận 02 cây gỗ nghiến có tổng khối lượng là 40,568m^3 x 7.500.000đ = 304.260.000đ. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm d khoản 3 Điều 232 của BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội các bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, các bị cáo đều biết việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Huyện Bắc Mê hằng năm phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở và có nhiều giải pháp quyết liệt để bảo vệ rừng, đã tuyên truyền đến thôn nhưng việc khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp ngày càng tinh vi hơn mà là điểm nóng. Các bị cáo bất chấp pháp luật ngang nhiên dùng máy cưa xăng cắt hạ 02 cây gỗ nghiến với số lượng lớn, gây thiệt hại rất nghiêm trọng về tài sản của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật, nhưng vì mục đích lợi ích cá nhân khai thác gỗ trái phép để bán lấy tiền, các bị cáo chưa kịp mang đi bán thì bị tổ tuần rừng phát hiện kịp thời ngăn chặn nên chưa bán khúc nào. Cần xử lý các bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, để nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Vai trò phạm tội các bị cáo là đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn, không có phân vai trò cụ thể từng người tham gia. Khi bị cáo H và T nhận được điện thoại của Giàng A C rủ rê đi cùng khai thác gỗ cắt thành thớt bán lấy tiền nên bị cáo H và T đồng ý, khi đến địa điểm khai thác gỗ nghiến 02 thì Giàng A C đều cắt gốc đầu tiên sau đó Đ, P, H, T thay nhau sử dụng máy cưa xăng cắt gốc cây gỗ nghiến. Nên vai trò của bị cáo H và T là người giúp sức tham gia số ngày khai thác gỗ bằng nhau, nên mức án bị cáo H, T chịu mức hình phạt bằng nhau.

[5] Đối với các bị can Giàng A C, Giàng A P, Giàng A Đ cùng bị cáo Cháng A H, Vàng A T khai thác gỗ trái phép, trong quá trình điều tra vụ án các bị can C, P, Đ đã trốn khỏi địa phương đến nay chưa bắt được Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định truy nã đồng thời ra quyết định tách vụ án, để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Đối với Vàng A T, Cháng A H, Giàng A C, Giàng A P, Giàng A Đ ngoài hành khai thác lâm sản trái phép còn có dấu hiệu Cưỡng đoạt tài sản, Hủy hoại tài sản. Tuy nhiên do hiện nay các bị can C, P, Đ trốn chưa bắt được các lời khai ban đầu chưa đủ cơ sở để khởi tố bổ sung đối với các hành vi trên do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án này các bị cáo không có; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện hành vi phạm tội bị can khác trong quá trình giải quyết vụ án khác, 02 bị cáo cũng đã cung cấp tài liệu, chứng cứ có giá trị góp phần giải quyết vụ án khác nhanh hơn. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, người dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo cũng được thêm tình tiết giảm nhẹ khác sau khi bị phát hiện các bị cáo đến đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khung hình phạt liền kề nhẹ hơn cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[8] Các bị cáo đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử, xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy, mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo về hình phạt, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với các bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo về mức án bị cáo Cháng A H, Vàng A T từ 30 đến 36 tháng tù là không đủ dăn đe và tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, nên không chấp nhận. Về miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với các bị cáo có căn cứ nên cần chấp nhận.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 BLHS thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo thu nhập không ổn định, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[12] Trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 01 thân; 03 cục; 05 khúc; 06 cành gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 34,520m^3 (gỗ tròn) tại hiện trường tịch thu sung công quỹ nhà nước. Về công cụ phạm tội 03 máy cưa xăng chưa thu giữ được do C, Đ và P đang bỏ trốn, ngoài ra 02 can nhựa đựng xăng và nhớt, 01 chai nhớt 2T, 02 nồi nấu ăn, 01 tấm bạt quá trình khám nghiệm hiện trường không thu giữ được. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[14] Về án phí: Bị cáo Vàng A T thuộc hộ nghèo, Cháng A H thuộc hộ cận nghèo được chính quyền nơi cư trú xác nhận và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[15] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Cháng A H, Vàng A T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 232; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Cháng A H 48 (bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 25/9/2019; Vàng A T 48 (bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 25/9/2019.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Cháng A H, Vàng A T để đảm bảo thi hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 thân; 03 cục; 05 khúc; 06 cành gỗ nghiến nhóm IIA có khối lượng là 34,520m^3 (gỗ tròn) tại hiện trường lô 17, khoảnh 14, tiểu khu 149A thuộc địa phận thôn B, thị trấn Y, Huyện B, tỉnh Hà Giang.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B*).

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Vàng A T, Cháng A H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Cháng A H, Vàng A T; Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện + tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp H;
- Phòng PV06 CA tỉnh H;
- Trại tạm giam CA tỉnh H;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo + Trung tâm TGPL H;
- Nguyên đơn dân sự UBND TT Y;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THAHS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công